

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần
Hàng hải Việt Nam**

Báo cáo kiểm toán về các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	1
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	2 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	5



Số tham chiếu: 60755035/14072838

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam ("Ngân hàng") và công ty con theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được chấp thuận tại Việt Nam mà từ đó các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tóm tắt và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tóm tắt kèm theo từ trang 2 đến trang 5 đã được lập ra. Báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi được lập vào ngày 12 tháng 03 năm 2010 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn bộ đối với các báo cáo tài chính hợp nhất mà từ đó các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt kèm theo đã được lập ra.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt kèm theo đã phù hợp và nhất quán trên các khía cạnh trọng yếu với các báo cáo tài chính hợp nhất mà từ đó các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này được lập ra.

Để có thể hiểu rõ hơn về tình hình tài chính của Ngân hàng và công ty con và kết quả hoạt động kinh doanh trong niên độ cũng như về phạm vi của công việc kiểm toán, các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt phải được xem xét cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất năm mà từ đó các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này đã được lập ra cùng với báo cáo kiểm toán độc lập tương ứng.



Ernst & Young Vietnam (HS)
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Võ Tân Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0264/KTV

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0761/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 03 năm 2010

Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

	2009 <i>triệu đồng</i>	2008 <i>triệu đồng</i>
TÀI SẢN		
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	461.293	249.417
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN")	793.789	499.996
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	25.210.364	15.755.248
Tiền, vàng gửi tại TCTD khác	21.149.884	15.556.448
Cho vay các TCTD khác	4.076.045	200.000
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	(15.565)	(1.200)
Chứng khoán kinh doanh	67.876	-
Chứng khoán kinh doanh	77.357	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(9.481)	-
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-
Cho vay khách hàng	23.698.496	11.124.146
Cho vay khách hàng	23.871.616	11.209.764
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(173.120)	(85.618)
Chứng khoán đầu tư	11.092.973	3.921.402
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11.112.651	3.929.402
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(19.678)	(8.000)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	218.112	79.368
Vốn góp liên doanh	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-
Đầu tư dài hạn khác	218.112	79.368
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Tài sản cố định	258.567	219.635
Tài sản cố định hữu hình	118.274	80.206
Nguyên giá tài sản cố định	172.692	120.466
Hao mòn tài sản cố định	(54.418)	(40.260)
Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
Nguyên giá tài sản cố định	-	-
Hao mòn tài sản cố định	-	-
Tài sản cố định vô hình	140.293	139.429
Nguyên giá tài sản cố định	165.856	159.380
Hao mòn tài sản cố định	(25.563)	(19.951)
Bất động sản đầu tư	48.400	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư	48.400	-
Hao mòn bất động sản đầu tư	-	-
Tài sản có khác	2.032.174	776.842
Các khoản phải thu	1.416.860	419.498
Các khoản lãi, phí phải thu	538.641	323.179
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	-
Tài sản Có khác	76.673	34.165
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	-	-
TỔNG TÀI SẢN	63.882.044	32.626.054

Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

	<i>2009</i> <i>triệu đồng</i>	<i>2008</i> <i>triệu đồng</i>
NỢ PHẢI TRẢ		
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	29.243	22.491
Tiền gửi và vay các TCTD khác	23.832.614	14.603.271
Tiền gửi của các TCTD khác	21.482.755	14.603.271
Vay các TCTD khác	2.349.859	-
Tiền gửi của khách hàng	30.053.287	14.111.556
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	3.973	5.911
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-
Phát hành giấy tờ có giá	5.368.259	1.134.177
Các khoản nợ khác	1.041.216	875.274
Các khoản lãi, phí phải trả	542.812	293.757
Thuế và các khoản phải trả nhà nước	113.013	36.362
Các khoản phải trả và công nợ khác	367.542	520.084
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	17.850	25.071
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	60.328.592	30.752.680
VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Vốn và các quỹ	3.553.452	1.873.374
Vốn của TCTD	3.180.607	1.680.607
Vốn điều lệ	3.000.000	1.500.000
Vốn đầu tư XDCB	607	607
Thặng dư vốn cổ phần	180.000	180.000
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Vốn khác	-	-
Quỹ của TCTD	216.155	103.330
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	156.690	89.437
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	63.882.044	32.626.054

Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

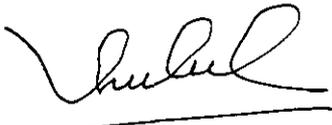
	<u>2009</u> triệu đồng	<u>2008</u> triệu đồng
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		
Các bảo lãnh đưa ra	1.199.746	491.497
Các cam kết trong nghiệp vụ L/C	1.915.720	768.523
Trừ: Tiền ký quỹ mở thư tín dụng, ký quỹ bảo lãnh	(424.462)	(160.958)
	<u>2.691.004</u>	<u>1.099.062</u>

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Kế toán viên

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Thị Lữ
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 03 năm 2010

Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	2009 triệu đồng	2008 triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	4.041.658	2.481.604
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(2.763.209)	(1.755.292)
Thu nhập lãi thuần	1.278.449	726.312
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	148.192	74.475
Chi phí hoạt động dịch vụ	(25.450)	(15.175)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	122.742	59.300
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	87.768	10.354
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(7.708)	-
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	64.292	(8.717)
Thu nhập từ hoạt động khác	87.690	8.844
Chi phí hoạt động khác	(560)	(194)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	87.130	8.650
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	42.482	7.007
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	1.675.155	802.906
Chi phí hoạt động		
Chi phí tiền lương	(248.251)	(124.757)
Chi phí khấu hao	(22.599)	(14.673)
Chi phí hoạt động khác	(238.270)	(152.165)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(509.120)	(291.595)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.166.035	511.311
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(160.720)	(74.303)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	1.005.315	437.008
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(232.429)	(120.358)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN	(232.429)	(120.358)
Lợi nhuận sau thuế	772.886	316.650
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.555	1.994

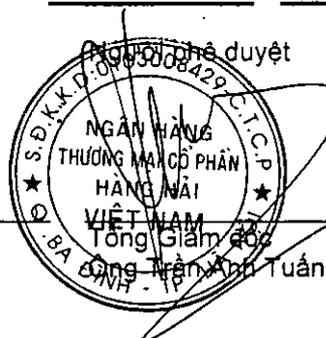
Người lập:

Người phê duyệt




Kế toán viên
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Kế toán Trưởng
Bà Nguyễn Thị Lũy



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 03 năm 2010